**BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

1. Tìm hiểu về chính trị

1.1. Chính trị

- Tổ chức bộ máy nhà nước của Đại Việt không ngừng được củng cố, hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. - Việc thành lập cơ quan hành chính, pháp lí, chuyên môn, giám sát,... thể hiện vai trò tổ chức, quản lí của nhà nước ngày càng chặt chẽ.

1.2. Luật pháp

- Nhà nước tăng cường quản lí xã hội thông qua luật pháp.

- Nội dung chủ yếu của luật pháp qua các triều đại phong kiến Đại Việt:

+ Đề cao tính dân tộc và chủ quyền quốc gia.

+ Bảo vệ quyền lực của vua, quý tộc, quan lại.

+ Bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp.

+ Bảo vệ quyền lợi của nhân dân, trong đó có quyền lợi của phụ nữ.

**2. Tìm hiểu về kinh tế**

***2.1. Nông nghiệp***

- Thực hiện nhiều chính sách quan tâm, chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp, như đắp đê, tổ chức khai hoang, “quân điền”, “ngụ binh ư nông”, miễn giảm thuế, nghiêm cấm giết trâu bò,...

- Hình thành những chức quan quản lí, giám sát và khuyến khích sản xuất nông nghiệp: Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ.

- Ngành kinh tế chủ đạo với cây trồng chính là lúa nước.

- Phương thức và kĩ thuật canh tác có những bước tiến mới. Việc sử dụng công cụ lao động bằng sắt, sử dụng sức kéo của trâu, bò, thâm canh hai, ba vụ lúa trong một năm góp phần tăng năng suất lao động, đảm bảo đời sống người dân.

- Nhà nước tăng cường vận động nhân dân tham gia đắp đê phòng lụt trên quy mô lớn, hình thành hệ thống đê điều, thuỷ lợi hoàn chỉnh trong cả nước.

***2.2. Thủ công nghiệp***

- Thủ công nghiệp dân gian tiếp tục duy

trì và phát triển: dệt lụa, làm đồ gốm, đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy,

nhuộm.....

- Nhiều nghề khác xuất hiện như làm tranh sơn mài, làm giấy, khắc bản in,...

- Có nhiều làng nghề thủ công nỗi tiếng cả nước: dệt La Khê, gốm Bát Tràng (Hà Nội); gốm Chu Đậu (Hải Dương),...

- Thủ công nghiệp nhà nước do triều đình trực tiếp quản lí được chú trọng. Các hoạt động sản xuât chủ yêu là đúc tiên kim loại, đóng thuyền lớn, sản xuất vũ khí cho quân đội...

- Xuất hiện hững mặt hàng trao đổi với thương nhân nước ngoài.

***2.3. Thương nghiệp***

- Chợ làng, chợ huyện được hình thành và phát triển mạnh, hoạt động buôn bán

giữa các làng, các vùng trong nước diễn ra nhộn nhịp.

- Kinh đô Thăng Long với trở thành trung tâm buôn bán sâm uất dưới thời Lý, Trần, Lê sơ.

- Hoạt động trao đổi, buôn bán với nước ngoài phát triển với nhiều mặt hàng phong phú. Việc giao thương với nước ngoài góp phần mở rộng thị trường trong nước và thúc đẩy sự hưng thịnh của các đô thị và cảng thị.

**3. Tìm hiểu về văn hóa**

***3.1. Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng***

*- Tư tưởng:*

+ Tư tưởng yêu nước, thương dân được xem là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất Đó là cội nguồn của tư tưởng “lây dân làm gốc”.

+ Nho giáo phát triển gắn liền với hoạt động học tập, thi cử. Đến thời Lê sơ, trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.

*- Tôn giáo:*

+ Phật giáo phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý, Trần.

+ Đạo giáo được duy trì, phát triển trong dân gian, được các triều đại phong kiến coi trọng.

*- Tín ngưỡng:*

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên lcủa người Việt được tiếp tục duy trì.

- Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ngày cảng phổ biến ở các làng xã.

- Tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ các anh hùng, tổ nghề tạo nên truyền thống văn hoá tốt đẹp trong cộng đồng.

***3.2. Giáo dục***

- Hệ thống giáo dục mở rộng, đào tạo đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền.

+ Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài.

+ Năm 1076, vua Lý cho mở Quốc Tử Giám để dạy học cho hoàng tử, công chúa.

+ Nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập.

- Tuyển chọn quan lại, nhà nước chính quy hoá việc thi cử để tuyển chọn người tài. Chế độ khoa cử từng bước trở thành phương thức tuyển chọn quan lại thường xuyên.

***3.3. Chữ viết và văn học***

*- Về chữ viết:*

+ Tiếp thu chữ Hán của người Trung Hoa, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm để ghi lại tiếng nói của dân tộc.

+ Một số triều đại đã có những chính sách khuyến khích và đề cao chữ Nôm

+ Đến thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ được hình thành từ việc sử dụng, cải biến bảng chữ cái La-tinh, trở thành chữ viết chính thức của người Việt.

*- Về văn học:*

+ Văn học chữ Hán:

* Một số tác phẩm tiêu biểu như *Chiếu đời đô* (Lý Thái Tổ), *Nam quốc sơn hà* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi),...
* Nội dung chủ yếu: thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

+ Văn học chữ Nôm:

* Tiêu biểu là tác phẩm *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, các bài thơ sáng tác bằng chữ Nôm của Lê Thánh Tông, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,....
* Nội dung chủ yếu: ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước, con người; phê phán một bộ phận quan lại, cường hào; phản ánh những bất công trong xã hội và đề cao vẻ đẹp con người.

+ Văn học dân gian:

* Phong phú về thể loại như thơ ca, tục ngữ, hò vè, hát, truyện cổ tích,...
* Nội dung chủ yếu: phản ánh tâm tư, tình cảm của con người, tình yêu quê hương, đất nước.

***3.4. Khoa học, kĩ thuật***

- Sử học:

+ Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán.

+ Nhiều bộ sử lớn được biên soạn: *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê),...

+ Địa lí: *Dư địa chí* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức bản đồ* (triều Lê sơ)*,...*

+ Quân sự: *Binh thư yếu lược* (Trần Quốc Tuấn),...

+ Y học: *Hải thượng y tông tâm lĩnh* (Hải Thượng Lãn Ông – Lê Hữu Trác),...

+ Toán học:*Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh),...

+ Kĩ thuật: đại súng thần cơ, đại bác, đóng thuyền chiến, xây dựng thành lũy,...

**BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

**3. Tìm hiểu về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất**

***3.1. Nông nghiệp***

*Hoạt động sản xuất nông nghiệp là trồng trọt, chăn nuôi.*

*- Người Kinh:*

+ Tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, trung du và duyên hải.

+ Nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản.

🡪 Đời sống vật chất của người dân ở nông thôn ngày

càng được nâng cao.

*- Các dân tộc thiêu số:*

+ Phần lớn phân bố ở miền núi, trung du, cao nguyên.

+ Trước đây, chủ yếu làm nương rẫy theo hình thức du canh.

+ Hiện nay, đã chuyển sang hình thức canh tác định canh, trồng nhiều loại cây và các loại cây ăn quả.

***3.2. Thủ công nghiệp và thương nghiệp***

*- Thủ công nghiệp:*

*+ Người Kinh:*

* Phát triển các nghề thủ công như nghề gốm, dệt, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy,... từ sớm.
* Một số nghề nổi tiếng trong cả nước: làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng hương Thuỷ Xuân (Huế), làng nghề chăm nón lá Thới Tân (Cần Thơ), làng dệt chiếu Long Định (Đồng Tháp),...

*+ Các dân tộc thiểu số:*

* Vùng Tây Bắc: dệt thổ cẩm, dệt lanh, chế tác đồ trang sức, làm mộc, nhuộm, đan lát,...
* Tây Nguyên: dệt thổ cẩm, mây tre đan, điêu khắc tượng, làm rượu cần v
* Tây Nam Bộ, các dân tộc Khơ-me, Chăm giỏi: dệt lụa, dệt chiếu, làm gốm,...

*- Thương nghiệp:*

+ Chợ là nơi trao đổi, buôn bán các mặt hàng, giao lưu văn hoá và thể hiện tính cộng đồng.

* Người Kinh: chợ làng, chợ huyện và chợ trong các khu phố, chợ đầu mối,...
* Cư dân Nam Bộ: chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi.
* Các dân tộc vùng cao: họp chợ phiên.

+ Các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại,... đã xuất hiện trên khắp mọi miền đất nước.

***3.3. Ăn, măc, ở***

*- Ăn:*

+ Người kinh:

* Cơm tẻ, nước chè là đồ ăn, thức uống cơ bản truyền thống hằng ngày.
* Trong bữa ăn hăng ngày thường có các món canh, rau,...
* Ưa dùng nước mắm và các loại cà muối, dưa muối. Tương và các loại gia vị như ớt, tỏi, gừng,...được sử dụng trong các bữa ăn.
* Món ăn của người Kinh ở miền Trung thường cay và mặn hơn các khu vực khác, trong khi ở miền Nam thường có nhiều món hơi ngọt và ít cay.

+ Người Tây Bắc: Bữa ăn hàng ngày của các dân tộc ít người thường có xôi, ngô.

+ Người Tây Nguyên: chủ yếu ăn cơm tẻ và không thể thiếu muối ớt trong bữa ăn.

*- Mặc:*

+ Người Kinh:

* Trước đây, đàn ông mặc quần áo nâu, đi chân trần. Phụ nữ mặc váy đen, yếm, áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ hoặc mặc áo bà ba, quấn khăn rằn.
* Áo dài được sử dụng phổ biến từ đầu thế kỉ XX, là trang phục truyền thống trong các dịp lễ tết của phụ nữ Việt Nam.

+ Các dân tộc thiểu số:

* Vùng Tây Bắc: Chú trọng các hoạ tiết đa sắc với kĩ thuật thêu công phu.
* Vùng đồng bằng sông Cửu Long: màu sắc, chất liệu và hoa văn trên trang phục thường đơn giản, phù hợp với môi trường và cuộc sống vùng sông nước.

*- Ở:*

+ Người kinh:

* Thường là nhà trệt. Trong khuôn viên thường được bố trí liên hoàn nhà - sân - vườn - ao. Ngôi nhà chính thường có kết cấu ba gian hoặc năm gian
* Trong đời sống hiện đại, nhà ở được xây dựng kiên cố.

+ Các dân tộc thiểu số: tập trung trong các xóm, làng, bản ở chân núi, bên sườn đổi hoặc nơi đất thoải gần sông, suối,... với kiểu nhà phố biến là nhà sàn.

*- Đi lại:*

+ Ngựa, xe kéo tay, thuyền bè, tàu,...

+ Xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay.

**4. Tìm hiểu về đời sống tinh thần**

***4.1. Tín ngưỡng, tôn giáo***

*- Tín ngưỡng:*

+ Người Kinh: Thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên, thờ người có công với cộng đồng, thờ Thành hoàng, thờ Mẫu, thờ tổ nghề.,...

+ Các dân tộc thiểu số: thờ nhiều vị thần tự nhiên theo thuyết “vạn vật hữu linh”, nhiêu dân tộc thờ các vị thần

nông nghiệp.

*- Tôn giáo:* Có sự hiện diện của các tôn giáo lớn trên thế giới với mức độ đậm, nhạt khác nhau tùy theo vùng miền và theo tộc người.

+ Phật giáo: là tôn giáo có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của các dân tộc.

+ Hin-đu giáo: Dân dộc Chăm cư trú ở Ninh Thuận và Bình Thuận theo Hin-đu giáo; người Chăm cư trú ở một số địa phương thuộc các tỉnh Tây Ninh, An Giang, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh theo Hồi giáo.

+ Công giáo: là một trong những tôn giáo phổ biến trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

***4.2. Phong tục, tập quán, lễ hội***

*- Phong tục, tập quán truyền thống*: được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống hằng ngày hoặc trong các dịp lễ.

+ Tục ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình,...

+ Trong cưới xin, nghi lễ truyền thống thường trải qua các bước cơ bản. Việc tô chức tang ma trang nghiêm, gồm nhiều nghi thức.

*- Lễ tết:*

+ Tết Nguyên đán là tết lớn nhất trong năm + Ngoài ra còn có nhiều lễ, tết truyền thống khác như Răm tháng Giêng, tết Thanh minh, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu,...

*- Lễ hội:*Là một nét văn hoá đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, gồm các lễ hội nông nghiệp, tôn giáo, hoặc gắn với đời sống sinh hoạt cộng đồng.

+ Người Kinh: Diễn ra nhiều trò chơi dân gian.

+ Các tộc người thiêu số ở Tây Bắc: có lễ hội cầu mưa, lễ hội cầu an ở bản, lễ hội hát múa giao duyên....

+ Các dân tộc ở Nam Bộ lễ Ok Om Bok của người Khơ-me, lễ Ka-tê của người Chăm.

***4.3. Nghệ thuật***

*- Nghệ thuật biểu diễn:* múa Rối nước, Chèo, Tuông, Đờn ca tài tử, ca Trù, hát Xoan, Dân ca quan họ....

*- Làn điệu, điệu múa và nhạc cụ:*

+ Vùng Tây Bắc: ưa thích các làn điệu dân ca, múa, xoè; thối các loại khèn, sáo, sử dụng trống và các bộ gõ băng tre, nứa tự tạo. + Nam Bộ: bộ gõ (trồng, chiêng,...), bộ dây (đàn) và bộ hơi (kèn, tù và),...

**BÀI 17: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

**1. Tìm hiểu về sự hình thành khối đại đoàn kết của dân tộc**

***Cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc***

- Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước.

- Sự đoàn kết trong các cuộc đấu tranh xã hội, chống ngoại xâm và chinh phục thiên nhiên.

***Quá trình hình thành khối đại đoàn kết dân tộc***

*- Thời kì cổ - trung đại:*

+ Các vương triều coi trọng việc đoàn kết chặt chẽ giữa các tầng lớp nhân dân và sự hoà thuận trong nội bộ triều đình.

+ Đề cao mối quan hệ giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia, có chính sách nhất

quán về việc đoàn kết giữa các dân tộc, các vùng miền.

*- Thời kì cận - hiện đại*:

+ Khối đại đoàn kết dân tộc được xây dựng thành công trong các cuộc kháng chiến.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), khối đại đoàn kết được phát huy thông qua các hình thức mặt trận phù hợp với từng thời kì cách mạng.

**2. Tìm hiểu về vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc**

***2.1. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước***

- Sự cố kết cộng đồng trong các hoạt động trị thuỷ, xây dựng các công trình công cộng, hình thành xóm làng là một trong những cơ sở quan trọng cho sự ra đời của các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

- Trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 thể hiện sức mạnh đồng thuận của cả đân tộc Việt Nam, khi có đường lối đúng đắn và được tổ chức, tập hợp với tinh thần tự lực, tự cường.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đề quốc Mỹ là thành quả vĩ đại của tinh thần đại đoàn kết dân tộc, quyết tâm thống nhất đất nước của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

- Trong thời kì hoà bình, đoàn kết dân tộc là nhân tố ổn định xã hội, tạo nên tảng xây dựng, phát triển đất nước.

2. Tìm hiểu về vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc

2.1. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước

- Sự cố kết cộng đồng trong các hoạt động trị thuỷ, xây dựng các công trình công cộng, hình thành xóm làng là một trong những cơ sở quan trọng cho sự ra đời của các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

- Trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 thể hiện sức mạnh đồng thuận của cả đân tộc Việt Nam, khi có đường lối đúng đắn và được tổ chức, tập hợp với tinh thần tự lực, tự cường.

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đề quốc Mỹ là thành quả vĩ đại của tinh thần đại đoàn kết dân tộc, quyết tâm thống nhất đất nước của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

- Trong thời kì hoà bình, đoàn kết dân tộc là nhân tố ổn định xã hội, tạo nên tảng xây dựng, phát triển đất nước.

2.2. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của công cuộc xây dựng đất nước.

- Là sức mạnh nền tảng, tập hợp, phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân và cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Là yếu tố đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi các quốc gia và toàn nhân loại đang đứng trước những vẫn đề lớn của thời đại.

- Là yếu tố không tách rời với việc khẳng định chủ quyền biên giới, biển đảo của Việt Nam.

3. Tìm hiểu về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc

- Coi vấn đề chính sách dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, là vấn đề cấp bách hiện nay.

- Chính sách dân tộc là nhất quán theo nguyên tắc “Các dân tộc bình đăng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”. Đây là nguyên tắc cơ bản, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ giữa các dân tộc - tộc người trong quá trình phát triển đất nước.

3.2. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

- Sáng tạo không ngừng, trong thời kì đổi mới, vừa bảo đảm tính nhất quán, vừa có sự điều chỉnh trước yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

- Hướng đến phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào các dân tộc,

- Nâng cao năng lực, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

- Củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc và quan hệ dân tộc.

 Ý nghĩa của việc Đảng và Nhà nước ưu tiên thực hiện các chính sách đối với dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay: Khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bảo các dân tộc tiểu số, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

PHẦN TRẮC NGHIỆM

**CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)**

**BÀI 15: MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

**A. TRẮC NGHIỆM**

**1. NHẬN BIẾT (9 câu)**

**Câu 1:** Cư dân Đại Việt **không** đạt được những thành tựu nào sau đây trong nông nghiệp?

A. Cải tiến kĩ thuật thâm canh lúa nước.

B. Mở rộng diện tích canh tác

C. Du nhập và cải tạo các giống cây từ bên ngoài.

D. Chiếm 30% thị phần xuất khẩu gạo ở khu vực.

**Câu 2:** Đặc trưng nổi bật của văn minh Đại Việt thời Mạc là:

A. Kinh tế hướng ngoại.

B. Kinh tế hướng nội.

C. Độc tôn Nho giáo.

D. Tính thống nhất.

**Câu 3:** “Tam giáo đồng nguyên" là sự kết hợp hài hoà giữa các tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

A. Nho giáo – Phật giáo – Đạo giáo.

B. Nho giáo – Phật giáo – Công giáo.

C. Phật giáo – Ấn Độ giáo – Công giáo.

D. Phật giáo – Bà La Môn giáo – Nho giáo.

**Câu 4:** Thiết chế chính trị quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam đạt đến đỉnh cao vào thời nào sau đây?

A. Thời Đinh – Tiền Lê,

B. Thời Lý.

C. Thời Trần.

D. Thời Lê sơ.

**Câu 5:** Văn minh Đại Việt thời Nguyễn có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Tính đa dạng.

B. Tính thống nhất.

C. Tính bản địa.

D. Tính vùng miền.

**Câu 6:** Thiết chế chính trị thời Lý – Trần có đặc trưng nào sau đây?

A. Tập quyền thân dân.

B. Quan liêu.

C. Chuyên chế.

D. Phân quyền.

**Câu 7:** Để khuyến khích nghề nông phát hiện nghi lễ nào sau đây?

A. Lễ Tịch điền.

B. Lễ cúng cơm mới.

C. Lễ cầu mùa.

D. Lễ đâm trâu.

**Câu 8:** Sự kiện nhà Lý cho dựng Đàn Xã Tắc ở Thăng Long năm 1048 đã thể hiện chính sách nào của nhà nước phong kiến?

A. Trọng nông.

B. Bế quan toả cảng.

C. Trọng thương.

D. Ức thương.

**Câu 9:** *“Những kẻ ăn trộm trâu của công thì xử 100 trượng, 1 con phạt thành 2 con".*

(Trích *Chiếu của vua Lý Thánh Tông* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1967, tr. 232)

Đoạn trích trên thể hiện chính sách nào của Vương triều Lý?

A. Quan tâm bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

B. Nhà nước độc quyền trong chăn nuôi trâu bò.

C. Bảo vệ nguồn nguyên liệu cho nghề thủ công.

D. Bảo vệ trâu bò cho các gia đình nghèo.

**2. THÔNG HIỂU (10 câu)**

**Câu 1:** Cục Bách tác là tên gọi của:

A. Các xưởng thủ công của Nhà nước.

B. Cơ quan quản lí việc đắp đê.

C. Các đồn điền sản xuất nông nghiệp.

D. Cơ quan biên soạn lịch sử.

**Câu 2:** Hệ tư tưởng tôn giáo nào sau đây giữ địa vị thống trị ở Việt Nam trong các thế kỉ XV-XIX?

A. Phật giáo.

B. Công giáo.

C. Nho giáo.

D. Đạo giáo.

**Câu 3:** Chữ Quốc ngữ ra đời xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

A. Truyền đạo.

B. Giáo dục.

C. Sáng tác văn học.

D. Sử dụng trong cung đình.

**Câu 4:** Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), Làng Sinh (Thừa Thiên Huế) là những làng nghề nổi tiếng trong lĩnh vực nào?

A. Đúc đồng.

B. Điêu khắc gỗ.

C. Gốm sứ.

D. Tranh dân gian.

**Câu 5:** Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam **không** có loại hình nào sau đây?

A. Múa rối.

B. Ca trú.

C. Kịch nói.

D. Chèo.

**Câu 6:** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống (.....), hoàn thiện câu sau đây: *“Nền văn minh Đại Việt là nền văn minh ...... và văn hoá làng xã.”*

A. nông nghiệp độc canh cây lúa

B. hướng biển

C. nông nghiệp lúa nước

D. thương nghiệp

**Câu 7:** Hoàng Việt luật lệ là bộ luật của:

A. Thời Lý

B. Thời Trần

C. Thời Lê sơ

D. Thời Nguyễn

**Câu 8:** Làng nghề gốm Chu Đậu ở:

A. Hải Dương

B. Bắc Giang

C. Nam Định

D. Hà Nội

**Câu 9:** “*Đại Việt sử ký toàn thư, Hồng Đức bản đồ, Dư địa chí”* là những công trình thuộc thời nào?

A. Thời Lý

B. Thời Trần

C. Thời Lê sơ

D. Thời Nguyễn

**Câu 10:** Nội dung nào sau đây là đúng về văn minh Đại Việt?

A. Chỉ tiếp thu văn minh Trung Hoa.

B. Tiếp thu văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây...

C. Không tiếp thu văn minh phương Tây

D. Chỉ tiếp thu văn minh Đông Nam Á và Trung Hoa.

**BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM**

**A. TRẮC NGHIỆM**

**1. NHẬN BIẾT**

**Câu 1:**Cồng chiêng là loại nhạc khí của các dân tộc thuộc khu vực nào sau đây ở Việt Nam?

A. Tây Nguyên. B. Tây Bắc. C. Đông Bắc. D. Nam Trung Bộ.

**Câu 2.** Các dân tộc thiểu số phân bố phần lớn ở:

A. Mọi miền đất nước. B. Vùng duyên hải, hải đảo

C. Miền núi, trung du, cao nguyên. D. Đồng bằng

**Câu 3:** Đâu **không** một nghề thủ công mà người Kinh đã phát triển từ sớm?

A. Gốm. B. Dệt. C. Chuyển phát thư từ. D. Rèn sắt

**Câu 4:** Hình thức họp chợ chủ yếu ở các dân tộc vùng cao như Hmông, Dao, Tày, Nùng, Thái,... là gì?

A. Chợ làng, chợ huyện. B. Chợ trên sông. C. Chợ nổi. D. Chợ phiên

**Câu 5**: Bữa ăn hàng ngày của các dân tộc ít người ở Tây Bắc thường có gì?

A. Thịt của các loài mãnh thú săn bắn được: hổ, sư tử, báo, đại bàng. B. Xôi, ngô

C. Hải sản từ các con sông. D. Cơm gà và Sting

**Câu 6:** Các dân tộc Tây Nguyên thường sử dụng gì để đi lại?

A. Voi, ngựa. B. Xe máy, ô tô

C. Máy bay, tàu thuỷ. D. Đi bộ

**Câu 7:** Người dân tộc nào tổ chức tết năm mới vào đầu tháng Mười âm lịch?

A. Người Lào. B. Người Hà Nhì

C. Người Ba-na. D. Các dân tộc thiểu số phía Nam

**2. THÔNG HIỂU**

**Câu 1:** Câu nào sau đây đúng về hoạt động nông nghiệp của các dân tộc thiểu số?

A. Trước đây, làm nương rẫy theo hình thức du canh, giờ chuyển sang hình thức canh tác định canh.

B. Trước đây, chỉ trồng cây ăn quả, giờ trồng theo nhiều loại cây khác: lúa, ngô, cây công nghiệp,…

C. Trước đây, sử dụng nhiều loại máy móc để gia tăng năng suất nhưng nay chỉ áp dụng phương pháp truyền thống để quảng bá du lịch.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Với quá trình đô thị hoá, hình thức nào có tính chất gần với chợ truyền thống?

A. Siêu thị, trung tâm thương mại. B. Trường học, viện nghiên cứu

C. Trung tâm tài chính. D. Công ty xuất bản sách

**Câu 3:** Câu nào sau đây **không** đúng về ăn uống của người Kinh?

A. Bún đậu và trà sữa là đồ ăn, thức uống cơ bản truyền thống hằng ngày của người Kinh ở miền Bắc.

B. Trong bữa ăn hằng ngày thường có các món canh, rau,... Đặc biệt, họ ưa dùng nước mắm, các loại mắm (tôm, cá, tép, cáy,...) và các loại cà muối, dưa muối.

C. Tương và các loại gia vị như ớt, tỏi, gừng, cũng thường được sử dụng trong các bữa ăn.

D. Món ăn của người Kinh ở miền Trung thường cay và mặn hơn các khu vực khác, trong khi ở miền Nam thường có nhiều món hơi ngọt và ít cay.

**Câu 4:** Nhà ở truyền thống của người Kinh thường được bố trí như thế nào?

A. Theo cấu trúc tối giản của giới thượng lưu phương Tây, phần để sống thì ở dưới cùng còn sân chơi, vườn, bề bơi thì ở các tầng trên.

B. Liên hoàn nhà – sân – vườn – ao

C. Theo hình thức bát quát, trong đó nhà ở cung Càn, vườn ở cung Ly,…

D. Tự do

**Câu 5:** Nhà ở của người Kinh trong đời sống hiện đại có điểm gì khác biệt so với quá khứ?

A. Được giản lược hết mức có thể.

B. Được trang trí, bày vẽ nhiều không xuể.

C. Kiên cố, vững chắc hơn, chịu ảnh hưởng của kiến trúc phương Tây

D. Kiên cố, vững chắc hơn, chịu ảnh hưởng của kiến trúc phương Đông.

**Câu 6:** Tín ngưỡng nào là tín ngưỡng quan trọng nhất trong đời sống tinh thần của người Kinh?

A. Thờ Thành hoàng, thờ Mẫu, thờ tổ nghề. B. Thờ cúng tổ tiên

C. Thờ Thổ công, Táo quân, ông Địa. D. Chúa Jesus

**Câu 7:** Đâu **không** phải một tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số?

A. Thờ cũng tổ tiên

B. Thờ nhiều vị thần tự nhiên theo thuyết “vạn vật hữu linh”

C. Thờ các vị thần nông nghiệp

D. Thờ Khổng tử

**Câu 8:** Câu nào sau đây **không** đúng về tôn giáo ở Việt Nam?

A. Tại Việt Nam có sự hiện diện của tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới.

B. Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên, mặc dù được các triều đình phong kiến coi trọng nhưng đến thời kì cận đại và hiện đại thì Phật giáo dần không còn chỗ đứng.

C. Hin-đu giáo được truyền bá vào Việt Nam từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên và có ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

D. Công giáo được truyền bá vào Việt Nam từ thế kỉ XVI và dần trở thành một trong những tôn giáo phổ biến trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

**Câu 9:** Đâu là một loại phương tiện đi lại truyền thống của người Kinh trên đường bộ?

A. Xe đạp. B. Xe máy. C. Xe ô tô. D. Xe ngựa

**BÀI 17: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**A. TRẮC NGHIỆM**

**1. NHẬN BIẾT (7 câu)**

**Câu 1:** Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ bao giờ?

A. Từ thời kì đầu dựng nước Văn Lang – Âu Lạc

B. Trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm chống phong kiến phương Bắc.

C. Trong kỉ nguyên phong kiến độc lập, từ thời Đinh đến thời Nguyễn.

D. Trong phong trào đấu tranh chống thực dân, đế quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 2:** Ở thời kì ban đầu của lịch sử Việt Nam, khối đoàn kết dân tộc đã được hình thành từ yêu cầu gì?

A. Liên kết để tạo nên một nhà nước với quyền uy và sự thống nhất trong tổ chức và hoạt động.

B. Liên kết để trị thuỷ, làm thuỷ lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tập hợp lực lượng đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

C. Của sự nghiệp lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phong trào cách mạng của nhân dân ta.

D. Chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược.

**Câu 3:** Truyền thuyết nào là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh lịch sử?

A. Nữ Oa vá trời. B. Con Rồng cháu Tiên

C. Thành Gióng. D. Sơn Tinh, Thuỷ Tinh

**Câu 4:** Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng:

A. Được củng cố, mở rộng, phát triển

B. Trở nên rời rạc, thiếu gắn kết

C. Tan hoang, không một ai biết đến đoàn kết là gì

D. Trở thành luồng sinh khí mới cho sự phát triển của y khoa Việt Nam

**Câu 5:** Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam phát triển đến đỉnh cao thông qua tổ chức nào?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Quốc hội do nhân dân bầu ra.

C. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

**Câu 6:** Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là:

A. Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

B. Sách lược quan trọng cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh cụ thể.

C. Yếu tố góp phần vào sự thành công của cách mạng.

D. Công việc cần phải quan tâm chú ý.

**Câu 7:** Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là ngày nào?

A. 23/06. B. 30/04. C. 02/09. D. 18/11

**2. THÔNG HIỂU**

**Câu 1:** Nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết".

B. Đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển.

C. Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng phát triển.

D. Nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

**Câu 2:** Ba nguyên tắc phát triển khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng là gì?

A. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

B. Đoàn kết, Thương yêu và Hăng hái.

C. Đoàn kết, Gắn bó và Yêu nhau sâu đậm.

D. Đoàn kết, Bình đẳng và Tương trợ nhau cùng phát triển.

**Câu 3:** Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là gì?

A. Tính tổng thể. B. Tính toàn diện.

C. Có trọng điểm. D. Tính hài hoà.

**Câu 4:** Đâu là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về văn hoá?

A. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bao gồm các giá trị và bản sắc văn hoá của 54 dân tộc.

B. Tập trung phát triển văn hoá của dân tộc Kinh theo hướng hiện đại, tối ưu hoá những đặc trưng cơ bản của nền văn hoá

C. Chú trọng đầu tư phát huy văn hoá dân tộc Kinh theo hướng hiện đại, cập nhật xu thế của thế giới; còn đối với văn hoá của các dân tộc ít người thì chú trọng duy trì bản sắc văn hoá

D. Tất cả các đáp án trên.

**Đề thi tham khảo**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6,0 ĐIỂM)**

*Lựa chọn đáp án đúng cho những câu hỏi dưới đây!*

**Câu 1:** Trung tâm buôn bán sầm uất nhất của Đại Việt trong các thế kỉ XI - XV là

A. Phố Hiến.

B. Hội An.

C. Thanh Hà.

D. Thăng Long.

**Câu 2:**Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách phát triển nông nghiệp của các triều đại phong kiến ở Việt Nam?

A. Khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích canh tác.

B. Nhà nước thành lập các cơ quan chuyên trách đê điều.

C. Quy định cấm giết trâu bò, bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

D. Xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu ruộng đất trong cả nước.

**Câu 3:** Tín ngưỡng nào sau đây không phải là tín ngưỡng dân gian của người Việt?

A. Thờ thần Đồng Cổ.

B. Thờ Mẫu.

C. Thờ Phật.

D. Thờ Thành hoàng làng.

**Câu 4:** Tư tưởng yêu nước thương dân của người Việt phát triển theo hai xu hướng nào?

A. Dân tộc và dân chủ.

B. Bình đẳng và văn minh.

C. Dân tộc và thân dân.

D. Dân chủ và bình đẳng.

**Câu 5:** Phật giáo trở thành quốc giáo ở Việt Nam dưới thời nào?

A. Ngô - Đinh - Tiền Lê.

B. Lý - Trần.

C. Lê sơ - Lê trung hưng.

D. Tây Sơn - Nguyễn.

**Câu 6:** Văn học Đại Việt bao gồm hai bộ phận, đó là

A. văn học dân gian và văn học viết.

B. văn học chữ Hán và văn học chữ Quốc ngữ.

C. văn học dân tộc và văn học ngoại lai.

D. văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách phát triển nông nghiệp của các triều đại phong kiến Việt Nam?

A. Chú trọng khai hoang mở rộng diện tích canh tác.

B. Đặt chức Hà đê sứ để chăm lo việc đê điều, trị thuỷ.

C. Tổ chức lễ Tịch điền để khuyến khích sản xuất.

D. Xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất trong cả nước.

**Câu 8:** Cơ quan chuyên trách chép sử của nhà nước phong kiến thời Nguyễn là

A. Quốc sử quán.

B. Nội mệnh phủ.

C. Hàn lâm viện.

D. Ngự sử đài.

**Câu 9:** Nho giáo có hạn chế nào sau đây?

A. Gia tăng tinh thần cố kết cộng đồng giữa con người với nhau.

B. Tạo ra tâm lí bình quân, cào bằng giữa các thành viên trong xã hội.

C. Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi về xã hội.

D. Góp phần tạo nên một xã hội kỉ cương, khuôn phép và ổn định.

**Câu 10:** Quốc triều hình luật là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào?

A. Lý.

B. Trần.

C. Lê sơ.

D. Nguyễn.

**Câu 11:** Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt?

A. Khẳng định tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo bền bỉ của nhân dân.

B. Chứng tỏ nền văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át nền văn hóa truyền thống.

C. Chứng minh sự phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực trong các thời kì lịch sử.

D. Tạo nên sức mạnh dân tộc trong những cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc.

**Câu 12:** Bộ quốc sử tiêu biểu của nước ta dưới thời Lê sơ là

A. Đại Việt sử ký.

B. Đại Việt sử ký toàn thư.

C. Đại Nam thực lục.

D. Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

**Câu 13:** Một trong những nhà toán học tiêu biểu của nước ta thời kì phong kiến là

A. Phan Huy Chú.

B. Ngô Sĩ Liên.

C. Lê Văn Hưu.

D. Lương Thế Vinh.

**Câu 14:** Tập bản đồ tiêu biểu của nước ta dưới thời Nguyễn là

A. Dư địa chí.

B. Hoàng Việt nhất thống dư địa chí.

C. Hồng Đức bản đồ.

D. Đại Nam nhất thống toàn đồ.

**Câu 15:** Khái niệm “dân tộc” trong tiếng Việt hiện nay được sử dụng theo những nghĩa nào?

A. Dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người.

B. Dân tộc đa số và dân tộc thiểu số.

C. Dân tộc miền núi và dân tộc đồng bằng.

D. Dân tộc - tộc người và dân tộc - ngữ hệ.

**Câu 16:** Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam hiện nay được chia thành mấy nhóm?

A. Hai nhóm.

B. Ba nhóm.

C. Bốn nhóm.

D. Năm nhóm.

**Câu 17:** Hoạt động kinh tế chính của người Kinh là

A. buôn bán đường biển.

B. sản xuất thủ công nghiệp.

C. sản xuất nông nghiệp.

D. buôn bán đường bộ.

**Câu 18:** Dân tộc có số lượng đông nhất ở Việt Nam hiện nay là

A. dân tộc Tày.

B. dân tộc Thái.

C. dân tộc Mường.

D. dân tộc Kinh.

**Câu 19:** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ chấm để hoàn thiện khái niệm sau: “......là một nhóm các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc, có những đặc điểm tương đồng về ngữ âm, thanh điệu, cú pháp và vốn từ vị cơ bản”.

A. Ngữ hệ.

B. Tiếng nói.

C. Chữ viết.

D. Ngôn từ.

**Câu 20:** Nhận định nào sau đây là không đúng về trang phục của các dân tộc ở Việt Nam?

A. Chủ yếu vay mượn từ bên ngoài.

B. Phong phú về hoa văn trang trí.

C. Đa dạng về kiểu dáng và màu sắc.

D. Thể hiện tập quán của mỗi dân tộc.

**Câu 21:** Một trong những cơ sở dẫn đến sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam là

A. yêu cầu thống nhất các vùng lãnh thổ thành một quốc gia.

B. yêu cầu tập trung lực lượng đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

C. tham vọng xâm lược và bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài.

D. nhu cầu mở rộng giao lưu buôn bán với các nước láng giềng

**Câu 22:** Khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào đối với công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

A. Không đóng góp nhiều cho sự nghiệp chống ngoại xâm.

B. Là nhân tố quan trọng, quyết định đến sự thắng lợi.

C. Là nhân tố thứ yếu, góp phần dẫn đến sự thành công.

D. Nhân tố duy nhất quyết định đến sự thành công.

**Câu 23:** Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là

A. tính toàn diện.

B. tính dân chủ.

C. tính dân tộc.

D. tính cụ thể.

**Câu 24:** Tổ chức nào sau đây có vai trò to lớn trong việc củng cố, mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay?

A. Đảng Lao động Việt Nam.

B. Hội Văn hóa cứu quốc.

C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

D. Hội Phản đế đồng minh.

**II. TỰ LUẬN (4,0 ĐIỂM)**

**Câu 1 (2,0 điểm):** Hãy nhận xét về ưu điểm, hạn chế và phân tích ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt.

**Câu 2 (2,0 điểm):**

a. Nêu suy nghĩ của anh/ chị về việc đặt tên “Diên Hồng” cho phòng họp chính trong tòa nhà Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Theo anh/ chị, thế hệ trẻ Việt Nam cần làm gì để góp phần xây dựn khối đoàn kết dân tộc?

**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI tham khảo**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. D** | **3. C** | **4. C** | **5. B** | **6. A** | **7. D** | **8. A** |
| **9. C** | **10. C** | **11. B** | **12. B** | **13. D** | **14. D** | **15. A** | **16. A** |
| **17. C** | **18. D** | **19. A** | **20. A** | **21. B** | **22. B** | **23. A** | **24. C** |

**II. TỰ LUẬN (4,0 ĐIỂM)**

**Câu 1 (2,0 điểm):**

**- Ưu điểm:**

+ Là nền văn minh nông nghiệp lúa nước, hình thành dựa trên sự kế thừa nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, tiếp biến các yếu tố của văn minh nước ngoài

+ Phát triển rực rỡ, toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Yếu tố xuyên suốt quá trình phát triển của văn minh Đại Việt là truyền thống yêu nước, nhân ái, nhân văn và tính cộng đồng sâu sắc

**- Han chế:**

+ Do chính sách “trọng nông ức thương” của một số triều đại phong kiến nên kinh tế hàng hoá còn nhiều hạn chế.

+ Lĩnh vực khoa học, kĩ thuật chưa thực sự phát triển.

+ Kinh tế nông nghiệp, thiết chế làng xã và mô hình quân chủ chuyên chế cũng góp phần tạo ra tính thụ động, tư tưởng quân bình, thiếu năng động, sáng tạo của cá nhân và xã hội.

+ Những hạn chế về tri thức khoa học khiến đời sống tinh thần của cư dân vẫn còn nhiều yếu tố duy tâm.

**- Ý nghĩa của văn minh Đại Việt**

+ Thể hiện sức sáng tạo và truyền thống lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt.

+ Là tiền đề và điều kiện quan trọng để tạo nên sức mạnh của dân tộc trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, đồng thời, góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy được những thành tựu và giá trị của văn minh Việt cổ.

+ Văn minh Đại Việt có giá trị lớn đối với quốc gia, dân tộc Việt Nam và một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt đã được UNESCO ghi danh.

**Câu 2 (2,0 điểm):**

**(\*) Lưu ý:**

- Học sinh trình bày quan điểm cá nhân.

- Giáo viên linh hoạt trong quá trình chấm bài

(\*) Tham khảo:

**- Yêu cầu a.** Trong lịch sử, Hội nghị Diên Hồng là hội nghị đoàn kết toàn dân tộc. Việc đặt tên “Diên Hồng” cho phòng họp chính trong tòa nhà Quốc hội là một hình thức khắc sâu ý nghĩa của đại đoàn kết dân tộc trong mọi hoàn cảnh,... (vì: Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của cả nước, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân).

**- Yêu cầu b.** Để góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc, thế hệ trẻ Việt Nam cần:

+ Ủng hộ, tham gia các hoạt động xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Không có lời nói và những hành vi mang tính kì thị, phân biệt vùng miền, dân tộc; gây chia rẽ đoàn kết dân tộc;

+ Tìm hiểu về phong tục, tập quán của các dân tộc; Tôn trọng sự khác biệt và đa dạng văn hóa giữa các dân tộc...